

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 104/2009/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định thực hiện Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ Tài chính quy định thực hiện chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện

Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động theo Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu thực hiện chế độ tự chủ

Việc thực hiện chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; tăng cường công tác quản lý, giám sát thị trường chứng khoán; bảo đảm sự hoạt động an toàn và hiệu quả của thị trường chứng khoán.
- Đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao.
- Chủ động trong sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và từng bước bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Về biên chế

1. Biên chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được xác định trong phạm vi tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Bộ Tài chính. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu biên chế cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định làm cơ sở thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế.

2. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ động tổ chức, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính. Tổng số biên chế giao cho các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không vượt quá chỉ tiêu biên chế đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài số biên chế được giao, trong phạm vi tự chủ tài chính và yêu cầu công việc, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sử dụng biên chế thấp hơn so với chỉ tiêu được giao, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vẫn được bảo đảm kinh phí quản lý hành chính theo chỉ tiêu biên chế được giao.

3. Trường hợp được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ động sắp xếp biên chế trong tổng biên chế được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao. Trường hợp cần thiết cần phải tăng chỉ tiêu biên chế để đáp ứng công việc mới phát sinh, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để xem xét và thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 4. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động thực hiện chế độ tự chủ

1. Ngân sách nhà nước cấp đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định hiện hành trên cơ sở biên chế được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao, định mức chi hành chính, mức tiền lương 2 lần so với mức tiền lương do nhà nước quy định; mức chi bảo đảm hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp trong giai đoạn ổn định; mức tăng chi ngân sách hàng năm do nhà nước quy định. Trong đó:

a) Đối với năm 2009, nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bảo đảm không thấp hơn năm 2008.

b) Từ năm 2010 trở đi, nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp trên cơ sở mức giao năm trước và mức tăng chi quản lý hành chính thuộc ngân sách trung ương hàng năm theo quy định hiện hành.

2. Nguồn thu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phần được để lại sử dụng theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Thu lệ phí cấp phép cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật.

b) Thu phí giám sát thị trường, phí quản lý công ty đại chúng và các loại phí khác theo quy định của pháp luật.

c) Các nguồn thu hợp pháp khác:

- Thu đào tạo hành nghề chứng khoán; thu đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ cập kiến thức về lĩnh vực chứng khoán;

- Thu bán tạp chí và thu quảng cáo trên tạp chí, các phương tiện thông tin điện tử, ấn phẩm;

- Thu phí tuyển dụng công chức, viên chức hàng năm;

- Thu cung cấp dịch vụ tin học và các dịch vụ khác;

- Thu từ nguồn tài trợ và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến nguồn thu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không bảo đảm mức chi theo dự toán được giao thì Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Nội dung chi từ nguồn kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, gồm:

1. Các khoản chi thanh toán cho cá nhân: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn); khen thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo chế độ nhà nước quy định; Trong đó mức chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương được áp dụng theo hệ số 02 lần so với mức lương cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định.
2. Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí trong nước, thuê mướn; chi mua sắm, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định và các khoản chi hành chính khác.
3. Các khoản chi nghiệp vụ, chuyên môn: mua sắm vật tư, hàng hóa dùng cho chuyên môn nghiệp vụ; chi cho công tác thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán; chi hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; trang phục, bảo hộ lao động; bảo quản, lưu trữ tài liệu, chứng từ; các khoản nghiệp vụ khác.
4. Chi ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Chi phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
6. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước.
7. Chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam, chi tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam.
8. Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức đảng theo Quyết định số 84-QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương đảng; chi bảo đảm hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Các khoản chi bảo đảm cho hoạt động thu phí, lệ phí.
10. Các khoản chi có tính chất thường xuyên khác ngoài nội dung quy định nêu trên.

Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi

1. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ động hướng dẫn thực hiện những tiêu chuẩn, mức chi hiện hành do nhà nước và Bộ Tài chính quy định để phù hợp với hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Đối với các khoản chi đặc thù, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước căn cứ nguồn kinh phí được sử dụng và trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy định hiện hành để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi đặc thù cho phù hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành.
3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện chế độ công khai và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ các tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi theo quy định hiện hành.

Điều 7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm được